TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 282/2019/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 02 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 352/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Minh T, sinh năm 1981;

Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: 90/14/7 Trần Văn Ơn, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Thu V tự nguyện chung sống vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Thạnh, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 158/2015, ngày 28/9/2015.

Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do lối sống không phù hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi vả nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Dù hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay ông T và bà V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông T và bà V có 02 con chung tên Trần Minh Kh, sinh ngày 05/8/2015 và Trần Vân A, sinh ngày 25/01/2018. Ông T và bà V thỏa thuận sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị Thu V trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Ông T và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác:

Về nợ chung: Ông T và bà V cùng xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Thu V thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Thu V chấm dứt, Giấy chứng nhận kết hôn số 158/2015, do Ủy ban nhân dân phường An Thạnh, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28/9/2015 hết hiệu lực kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu V trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Minh Kh, sinh ngày 05/8/2015 và Trần Vân A, sinh ngày 25/01/2018. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà V không có yêu cầu.

+ Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi cần thiết bà V có quyền yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông T và bà V cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị Thu V chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông T và bà V đã nộp theo Biên lai thu số 0012809 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông T và bà V đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân phường An Thạnh, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyết Nhung